TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **96** /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25- 10- 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

-Thư ký phiên tòa:Ông Nguyễn Văn Hưng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2019,về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2019, Quyết định Hoãn phiên tòa số 116/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*Phạm Thị Kim L, sinh năm 1984. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ 1, thôn 5, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Trương T, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 1, thôn 7 (TP), xã Mê Pu, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị Kim L trình bày: Bà Phạm Thị Kim L và ông

Trương T kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông Trương T có lối sống ích kỹ, nhỏ nhen. Khi bà L mang thai được 7 tuần tuổi, ông Trương T yêu cầu bà L đi phá thai do hoàn cảnh kinh tế lúc đó khó khăn, nhưng bà L không đồng ý. Từ đó bà L bỏ về nhà cha ruột sống sinh con, rồi sau đó sống luôn tại nhà cha của bà L từ năm 2008 cho đến nay. Sau khi bà L về nhà cha ruột sống, ông Trương T cũng không hề qua lại nói chuyện gì, không quan tâm gì đến con cái. Nay bà L yêu cầu được ly hôn. Bà L và ông Trương T có một con chung tên Trương Phạm Chí V, sinh ngày ngày 14/2/2009, con sống với bà L từ khi sinh ra cho đến bây giờ. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu ông Trương T cấp dưỡng. Bà L có thu nhập và sức khỏe để nuôi con.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án T báo các đương sự đến tham gia hòa giải, nhưng ông Trương T không tham gia, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh, Tòa án xác định được bà L và ông Trương T kết hôn với nhau, sống chung đến khi bà L có thai thì về nhà cha ruột sinh đẻ, rồi sống ly thân với ông Trương T từ 10 năm nay. Vợ chồng có 01 con chung, hiện sống cùng bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định. Thư ký tuân thủ đúng pháp luật.

Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành theo quy định pháp luật, thường xuyên vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân hợp pháp. Khi chung sống với nhau được một thời gian ngắn, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, bà L đã đưa con về nhà cha, mẹ ở và ly thân. Vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 19, 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung có 01con hiện do bà L nuôi, nên giao cho bà L nuôi là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa Phạm Thị Kim L và Trương T là hôn nhân hợp pháp, vì có đăng ký kết hôn đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không còn hạnh phúc, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân 10 năm nay. Mặc dù nhà ở gần nhau, nhưng ông Trương T cũng không có động thái tác động để vợ chồng trở về chung sống với nhau, mà bỏ mặc. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc. Qua kết quả xác minh, thấy rằng vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc. Nhận thấy mục đích hôn nhân của bà L và ông Trương T không đạt được. Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Bà L và ông Trương T chỉ có 01 con chung là Trương Phạm Chí V, hiện do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng trong 10 năm nay. Bà L có yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy cháu V sống cùng mẹ đã 10 năm nay, đã quen với cuộc sống hiện tại. Bản thân của bà L cũng có tư cách đạo đức, sức khỏe và thu nhập để nuôi con. Do đó cần giao cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con sau khi ly hôn, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[6] *Về án phí:* Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn,theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử:

1. Bà Phạm Thị Kim L ly hôn ông Trương T.

2. Về nuôi con sau khi ly hôn: Giao cho bà Phạm Thị Kim L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Phạm Chí V, sinh ngày 14/2/2009. Ông Trương T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Bà Phạm Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0025609 ngày 28/8/2019. Bà L đã nộp đủ án phí.

4.Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/10/2019); bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thái

Nơi nhận
TAND tỉnh
VKSND huyện
THADS huyện
Các đương sự
Lưu.